TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125 /BG-VTTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.

Trường Đại học Quốc tế có nhu cầu nhu cầu cung cấp dịch vụ như sau

Stt	Tên nguyên vật liệu	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Melanin tổng hợp	Code: M8631-250mg Hãng sản xuất: Sigma	250 mg	3	
2	DMSO	Code: 1029521011 Hãng sản xuất: Merck	1000 mL	3	
3	KOH	Code: CAS No.1310-58-3 Hãng sản xuất: Xilong	500 g	4	
4	Tetrabutyl ammonium hydroxide 40% in H_2O	Code: 176610500 Hãng sản xuất: Acros	250 g	1	
5	Cồn tuyệt đối 99.5%	Code: CAS No. 64-17-5 Hãng sản xuất: Chemsol	1000 mL	23	
6	Chloroform	Code: CAS No. 67-66-3 Hãng sản xuất: Chemsol	500 mL	4	
7	Sodium salicylate	Code: S0800000 Hãng sản xuất: Sigma	500 g	1	
8	Salicylic acid, sodium salt, 99+%	Code: 220982500 Hãng sản xuất: Acros	250 g	1	
9	Iron(II) sulfate heptahydrate, 99.5%, for analysis	Code: I/1157/50 Hãng sản xuất: Acros	250 mg	2	
10	MPTP (cat. M0896)	Code: cat. M0896 Hãng sản xuất: Sigma-Aldrich	100 mg	1	
11	H2O2	Code: 7722-84-1 Hãng sản xuất: Sigma-Aldrich	500 mL	3	
12	EDTA (cat. E4884)	Code: cat. E4884 Hãng sản xuất: Sigma	100 g	2	
13	Cell proliferation kit (cat. 11465007001)	Code: cat. 11465007001 Hãng sản xuất: Sigma-Aldrich	2500 tests	1	
14	DMEM (liquid)	Code: D6421 Hãng sản xuất: Sigma	500 mL	6	
15	FBS (for cell culture)	Code: F2442 Hãng sản xuất: Sigma	100 mL	3	

16	Penicillin/Streptomycin 1%	Code: P4333 Sigma	100 mL	2	
17	GlutaMAX™ Supplement	Code: 35050061 Hãng sản xuất: Gibco/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ	100 mL	2	
18	Trypsin-EDTA (0.05%), phenol red	Code: 25300062 Hãng sản xuất: Gibco/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ	500 mL	2	
19	PBS (10X), pH 7.4	Code: 70011044 Hãng sản xuất: Gibco/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ	500 mL	2	
20	SH-SY5Y; Neuroblastoma	Code: CRL-2266 Hãng sản xuất: ATCC	Lọ	1	
21	Acetylcholine iodides, 99%	Code: A7000-5G Hãng sản xuất: Sigma	5 g	2	
22	DTNB; Ellman's Reagent, 5,5'-Dithiobis-(2-Nitrobenzoic Acid)	Code: D8451 Hãng sản xuất: Invitrogen/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ	10 g	1	
23	(S)-Butyrylthiocholine iodide, 99%	Code: RM1641-5G Hãng sản xuất: Himedia	5 g	1	
24	Acetylcholinesterase from Electrophorus electricus (electric eel)	Code: 9000-81-1 Hãng sản xuất: Sigma	500UN	1	
25	Butyrylcholinesterase from equine serum	Code: C4290 Hãng sản xuất: Sigma	1 KU	1	
26	10-acetyl-3,7-dihydroxyphenonxazine (Amplex Red reagent)	Code: 90101-5MG-F Hãng sản xuất: Sigma	5 mg	1	
27	Amplex™ Red Monoamine Oxidase Assay Kit	Code: A12214 Hãng sản xuất: Thermo Fisher Scientific - Mỹ	500 assays	1	
28	Donepezil hydrochloride	Code: 458050010 Hãng sản xuất: Acros	1g	1	
29	Doxorubicin hydrochloride	Code: 44583 Hãng sản xuất: Sigma	1mg	1	
30	Agar powder, Bacteriological grade	Code: GRM026-500G Hãng sản xuất: Himedia	Chai/500 g	1	
31	Tryptone Type-I (Casitose Type-I)	Code: RM014-500G Hãng sản xuất: Himedia	500 g	1	
32	Dichloromethane	Code: DCM Hãng sản xuất: Việt Nam	500 mL	1	
33	n-butanol	Code: n-Butanol	500 mL	1	

		Hãng sản xuất: Trung Quốc			
34	Acetic acid	Code: Acid CH3COOH Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 mL	1	
35	n-Hexane	Code: n-Hexane Hãng sản xuất: VN	500 mL	1	
36	Acetone	Code: Acetone Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 mL	1	
37	Benzene	Code: Benzene Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 mL	1	
38	Petroleum ether	Code: PE60-90 Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 mL	1	
39	Trisodium phosphate dodecahydrtae	Code: Na3.PO4.12H2O Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 g	1	
40	Ammonium molydate tetrahydrate	Code: (NH4)6Mo7O24.12H2) Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 g	1	
41	Tris base	Code: MB029-100G Hãng sản xuất: Ấn Độ	100 g	1	
42	Dimethyl sufoxide	Code: DMSO Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 mL	1	
43	Yeast extract powder	Code: RM027-500G Hãng sản xuất: Ấn Độ	500 g	1	
44	KOH	Code: CAS No.1310-58-3 Hãng sản xuất: Xilong	1000 g	1	
45	HCl 37%	Code: 7647-01-0 Hãng sản xuất: Xilong	500 mL	8	
46	PDA	Code: M096 Hãng sản xuất: Himedia	500 g	1	
47	Potassium bromide	Code: KBr Hãng sản xuất: Trung Quốc	500 g	2	
48	Pyrogallol	Code: GRM7444-100G Hãng sản xuất: Trung Quốc	100 g	1	
49	L-Glutamine	Code: GB0224 Hãng sản xuất: Biobasic	100 g	1	
50	Butylated hydroxytoluene (BHT)	Code: GRM797-500G Hãng sản xuất: Ấn Độ	500 g	1	
51	L-Histidine monohydrochloride	Code: GRM051-25G Hãng sản xuất: Ấn Độ	25 g	1	

52	Dimethyl sulfoxide, minimum 99.5% GC (cat.105228)	Code: cat.105228 Hãng sản xuất: Sigma-aldrich	1L	1	
53	L-DOPA chuẩn	Code: PHR1271-500MG Hãng sản xuất: Sigma-aldrich	500G	1	
54	Potato dextrose agar	Code: GM096-500G Hãng sản xuất: Himedia	500 g	2	
55	Glucose	Code: 108342 Hãng sản xuất: Merck	1000 g	1	

Kính mời đơn vị tham gia chào giá với nội dung:
- Giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác.
- Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày nhận được báo giá.

Nội dung báo giá gửi về:

+ Người nhận: Nguyễn Thị Thu Trang, A2.612
+ Phòng Vật tư Thiết bị - Trường Đại học Quốc tế
+ Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại liên hệ: 028.3724.4270 - Ext: 3556
Thời gian báo giá: **Đến hết ngày 18/6/2024**
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P.VTTB.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Thanh Lịch